

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1208/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07/12/2021
Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thông

Ông Phạm Văn Hề

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương – Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4573/2021/QĐXXST-DS ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị V**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 429 AC, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Cao Tr**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 87 Thirteenth ST Mildura VIC 3500 Australia. (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 15/11/2021, nguyên đơn bà Ngô Thị V trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, bà V và ông Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân Phường 19, quận Tân Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/KH/P19, quyển số 01/1999, ngày 25/01/1999. Sau khoảng thời gian chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm đầu sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng càng về sau càng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông Tr thường xuyên đi làm ăn xa, không có thời gian chăm sóc, quan tâm và xây dựng hạnh phúc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt phai, bà V và ông Tr đã sống ly thân từ năm 2011. Bà V xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Cao Tr.

Về con chung: Bà V khai bà và ông Tr có 02 người con chung gồm: Nguyễn Anh T, sinh ngày 19/12/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Anh V, sinh ngày 17/12/2004. Bà V yêu cầu sau khi ly hôn, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng

trẻ là Nguyễn Anh V. Bà V không yêu cầu ông Tr phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà V đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo nội dung Bản tự khai được chứng thực chữ ký ngày 19/11/2021, bị đơn là ông Nguyễn Cao Tr trình bày: Ông Tr xác nhận những lời trình bày của bà V về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay bà V yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn và đồng ý yêu cầu của bà V về việc bà V trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Anh V, không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, ông Tr đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo Bản tự khai ngày 15/11/2021, em Nguyễn Anh V trình bày: Nếu Tòa án chấp nhận cho cha mẹ của em là bà Ngô Thị V và ông Nguyễn Cao Tr ly hôn thì em có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Ngô Thị V, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Xét thấy, bà Ngô Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Cao Tr và ông Tr hiện đang cư trú tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Bản tự khai đề ngày 19/11/2021 của ông Nguyễn Cao Tr gửi đến Tòa án từ Australia đã được lập có chữ ký, công chứng, chứng thực nên được công nhận theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua lời trình bày của bà V và ông Tr, có cơ sở xác định: Bà V và ông Tr có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/KH/P19, quyền số 01/1999 do Ủy ban nhân dân Phường 19, quận Tân Bình cấp ngày 25/01/1999. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Tr là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, ông Tr thường xuyên ở nước ngoài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết sâu đậm. Do hai bên đang sinh sống và làm việc ở hai nước khác nhau nên không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà V yêu cầu được ly hôn với Tr, ông Tr cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà V và ông Tr.

- Về con chung: Bà V khai bà và ông Tr có 02 người con chung gồm: Nguyễn Anh T, sinh ngày 19/12/2000 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 17/12/2004. Bà V yêu cầu sau khi ly hôn, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ là Nguyễn Anh V. Bà V không yêu cầu ông Tr phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông Tr cũng như trẻ là Nguyễn Anh V đều thống nhất đồng ý với yêu cầu nêu trên của bà V, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của hai bên.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà V và ông Tr xác định không có.

[4] Án phí về ly hôn trong vụ việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Ngô Thị V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị V, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Cao Tr, sinh năm 1972.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11/KH/P19, quyền số 01/1999 do Ủy ban nhân dân Phường 19, quận Tân Bình cấp ngày 25/01/1999 cho bà Ngô Thị V và ông Nguyễn Cao Tr hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Bà Ngô Thị V và ông Nguyễn Cao Tr có 02 người con chung gồm: Nguyễn Anh T, sinh ngày 19/12/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Anh V, sinh ngày 17/12/2004. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà V và ông Tr về việc giao con chung tên Nguyễn Anh V cho bà V trực tiếp nuôi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về cấp dưỡng: Bà Ngô Thị V không yêu cầu về việc cấp dưỡng.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: bà Ngô Thị V và ông Nguyễn Cao Tr không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị V phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà V đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001050 ngày 22/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Ông Nguyễn Cao Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. bà Ngô Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường 19, Q. Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Phương